

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 790/2023/HC-PT

Ngày: 31/10/2023

V/v “*Khiếu kiện Quyết định hành
chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hải;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;
Bà Vũ Thị Thu Hà.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 439/2023/TLPT-HC ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2022/HC-ST ngày 25/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12155/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

*** Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955; Địa chỉ: Tiểu khu Y, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Ngọc H1, sinh năm 1954; Địa chỉ: Tiểu khu Y, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Thịnh Văn H2, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện N;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nghiêm Phú L, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện N; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Phú N, chức vụ: Phó Trưởng phòng Phòng T2; Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị H3 - Chủ tịch UBND huyện N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Đình N1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị trấn N; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Trịnh Thị N2, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tiểu khu Y, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số nhà C đường D, thôn B, xã E, TP ., tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955; Địa chỉ: Tiểu khu Y, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1949; Địa chỉ: Thôn E, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Ngọc H1, sinh năm 1954; Địa chỉ: Tiểu khu Y, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

5. Anh Phạm Việt C, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Chị Phạm Thị Thu H4, sinh năm 1981; Địa chỉ: SN C ngõ D, phường T, quận H, TP .; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; Vắng mặt.

8. Anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1988; vắng mặt.

9. Chị Nguyễn Thị H5, sinh năm 1987; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Anh Nguyễn Hữu V1, sinh năm 1992; Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tiểu khu Y, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

11. Bà Mai Thị K, sinh năm 1949; Địa chỉ: Tiểu khu Y, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Thanh S, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tiểu khu Y, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

Người kháng cáo: Bà Mai Thị K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09/02/2022 và quá trình giải quyết tại Tòa án, bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bố bà là cụ Nguyễn Hữu H6, sinh năm 1912, chết năm 1987; mẹ bà là cụ Mai Thị L1, sinh năm 1913, chết năm 2006. Bố mẹ sinh được 06 người con gồm: Nguyễn Thị L2, sinh năm 1945 (chết năm 2003); Nguyễn Thị V, sinh năm 1949; Nguyễn Hữu H7, sinh năm 1952 (chết năm 2012); Nguyễn Hữu M, sinh năm 1958; Nguyễn Thị H, sinh năm 1955 và Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1960 (chết năm 2021).

Bà Nguyễn Thị L2 có 02 người con là Phạm Văn C1, sinh năm 1979 và Phạm Thị Thu H4, sinh năm 1981; ông Nguyễn Hữu H7 có vợ là Mai Thị K và 02 người con là Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 và Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1988; ông Nguyễn Hữu Q có vợ là Trịnh Thị N2 và có 02 người con là Nguyễn Thị H5, sinh năm 1987 và Nguyễn Hữu V1, sinh năm 1992.

Quá trình chung sống cụ H6 và cụ L1 đã tạo dựng được mảnh đất thổ cư diện tích 502m² và tài sản gắn liền với đất gồm 04 gian nhà ngói (nhà lớn), 1 nhà 02 gian (nhà bé), chuồng trại, sân phơi, cây lâu năm và diện tích đất ở 90m² tại thửa đất số 238, tờ bản đồ số 03 bản đồ địa chính xã N, thuộc xóm H, xã N cũ (nay là tiểu khu N, thị trấn N).

Theo khảo sát đo đạc, tổng diện tích là 580m².

Cụ H6 chết không để di chúc, năm 2012 ông Nguyễn Hữu Q lập di chúc giả là Đơn xin thừa kế ngày 30/4/2004. Trong đơn này các anh, chị em bà không ký vào chỗ người đồng ý thừa kế mà do ông Nguyễn Hữu Q giả mạo chữ ký của các ông, bà. Ngày 31/01/2012, UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 100657 mang tên ông Nguyễn Hữu Q.

Chị em bà đã họp gia đình bàn bạc chia tài sản thừa kế của bố mẹ để lại, nhưng bà Trịnh Thị N2 (vợ ông Nguyễn Hữu Q) không đồng ý, các bà có đơn đề nghị UBND thị trấn N hoà giải nhưng không thành. Do đó, bà làm đơn khởi kiện đề nghị Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 100657 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 31/01/2012 mang tên ông Nguyễn Hữu Q.

Bà H không yêu cầu giám định điểm chỉ của cụ Mai Thị L1 và chữ ký của bà trong “Đơn xin thừa kế” vì ông Nguyễn Hữu Q là người làm “Đơn xin thừa kế” đã chết, trong đơn không đầy đủ chữ ký của các đồng thừa kế; ông Trưởng t và đại diện UBND xã N ký xác nhận không cùng thời điểm lập văn bản. Bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

**** Tại Văn bản ý kiến 2398/UBND-TNMT ngày 30/9/2022, UBND huyện N trình bày:***

Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu Q năm 2012 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện N cung cấp gồm:

- Giấy chứng tử của cụ Mai Thị L1;
- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu Q;
- Bản sao Giấy khai sinh ông Nguyễn Hữu Q;
- Trích lục Bản đồ thửa đất;
- Đơn xin thừa kế Tài sản nhà cửa và đất thổ cư;
- Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 22/11/2012 của UBND xã N đề nghị UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu Q;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 31/01/2012 của UBND huyện N cho ông Nguyễn Hữu Q.

UBND huyện N đề nghị Toà án căn cứ các hồ sơ, tài liệu, chứng cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*** UBND xã N (nay là UBND thị trấn N) trình bày:**

UBND thị trấn N có lưu trữ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu Q và đã cung cấp cho UBND huyện N để UBND huyện cung cấp cho Tòa án gồm:

- Giấy chứng tử của cụ H6, cụ L1;
- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu Q;
- Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 22/11/2012 của UBND xã N đề nghị UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu Q.

*** Bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Hữu M:** Thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị H.

*** Bà Trịnh Thị N2 (vợ ông Nguyễn Hữu Q) trình bày:**

Năm 1985 bà về làm dâu, năm 1987 cụ H6 mất, cụ L1 sống với vợ chồng bà, bà cũng chỉ biết đất này là của cụ H6 và cụ L1.

Cụ L1 có nói đã cho anh Nguyễn Hữu M đất bên cạnh nhà, anh Nguyễn Hữu H7 có đất Nhà nước cho trên ngã năm, sau này anh Nguyễn Hữu H7 đã cho anh Nguyễn Hữu M đất, anh M đã bán đất cho chồng bà là ông Nguyễn Hữu Q ở tiểu khu N để làm nhà bên ngã năm. Năm 2004, ông Q mượn người viết di chúc thừa đất trên do cụ Mai Thị L1 cho gia đình bà.

Năm 1996, ông Q được anh trai là ông Nguyễn Hữu H7 cho một cái ao trên ngã năm để làm nhà ở. Đến năm 2020 ông Q làm hồ sơ xin cấp sổ đỏ đất trên ngã năm và đã nộp 50% giá trị của đất. Tháng 4/2021, ông Q phát hiện bệnh hiểm nghèo và chết ngày 28/11/2021.

Từ năm 2012 khi ông Q còn sống đã dựa trên di chúc để làm sổ đỏ, bà không thấy ai có ý kiến gì, cho đến khi ông Q vừa mất được 40 ngày thì ông Nguyễn Hữu M từ Đ về bảo 3 mẹ con bà sang tên 1/3 sổ đất để làm nhà thờ. Mẹ con bà đã có dự kiến để 5m làm nhà thờ hay làm gì tùy bác, nhưng sổ đỏ vẫn để tên ông Nguyễn Hữu Q, nhưng ông M không đồng ý. Ngày 22/01/2022, bà nhận được giấy mời hoà giải của UBND thị trấn về tranh chấp đất đai. Bà Trịnh Thị N2 đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

*** *Chị Nguyễn Thị H5 (con của ông Q, bà N2) trình bày:***

Chị sinh ra lớn lên ở xóm H Nga Mỹ, nay là Tiểu khu N, thị trấn N tại thửa đất cùng với bà nội là Mai Thị L1, chị được nghe bà nội nói đất này bà cho bố mẹ chị, sau này học hành không có tiền thì bảo bố bán bớt đi, bác Nguyễn Hữu M đã được ông bà cho đất bên cạnh và đã bán lại cho bố chị để lấy tiền làm nhà trên ngã năm, bác Nguyễn Hữu H7 cũng đã có đất trên ngã năm nên cho lại bố chị.

Năm 2004 bà nội có thông qua ý kiến các bác và nhờ người viết di chúc để lại nhà đất cho bố chị là ông Nguyễn Hữu Q, ngoài ra bố chị được bác Nguyễn Hữu H7 cho một cái ao bên cạnh. Năm 2020, bố chị có làm hồ sơ trình UBND thị trấn để làm sổ đỏ và đã được cấp trên ngã năm, phải nộp 50% do lấn chiếm. Tháng 4/2021 bố chị mắc bệnh hiểm nghèo mất ngày 28/11/2021.

Trong suốt quá trình bà nội làm di chúc sau đó bà nội mất và khi bố còn sống không ai có ý kiến gì, khi bố mất được 45 ngày thì ông Nguyễn Hữu M về yêu cầu mẹ con chị sang tên 1/3 đất để làm nhà thờ, chị có ý kiến để 5m, nhưng sổ đỏ vẫn để tên bố chị nhưng bác M không đồng ý và kiện ra tòa. Chị Nguyễn Thị H5 đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

*** *Anh Nguyễn Hữu V1 (em của chị Nguyễn Thị H5) trình bày:*** Thống nhất như ý kiến của chị Nguyễn Thị H5.

*** *Anh Phạm Việt C (con của bà Nguyễn Thị L2) trình bày:***

Mẹ anh là con gái đầu của bà Mai Thị L1, bà ngoại anh đã chuyển nhượng đất cho cậu út là Nguyễn Hữu Q, có mang hồ sơ cho anh ký nhưng anh nói không cần thiết vì anh là cháu bên ngoại. Cậu mợ ở với ông bà nên việc cho đất là bình thường. Năm 2012 làm sổ đỏ cho cậu cũng không ai ý kiến gì vì mọi người đều đã ký giấy. Việc làm sổ cho cậu Q đã yên ổn gần 20 năm không ai

tranh chấp, bây giờ cậu vừa mất lại tranh giành là sai. Anh đề nghị ai có tiền thì cứ bỏ ra làm nhà thờ nhưng sổ đỏ thì cứ để nguyên tên ông Nguyễn Hữu Q.

*** Chị Phạm Thị Thu H4 (em của anh Phạm Việt C) trình bày:** Thống nhất như quan điểm, ý kiến của anh Phạm Việt C.

*** Bà Mai Thị K, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Hữu T1 (vợ và các con của ông Nguyễn Hữu H7) trình bày:**

Ông bà nội sinh được 06 người con, bà Mai Thị K làm dâu được biết đây là đất của tổ tông. Khi còn sống ông Nguyễn Hữu H7 đã cho ông Nguyễn Hữu M và ông Nguyễn Hữu Q đất ở bên cạnh nhà ở QL10, bà K đã ký cho ông M, ông Q làm sổ đỏ. Năm 1987 ông nội mất, năm 2006 bà nội mất, đất đai của tổ tông không ai ở. Nguyên vọng của con cháu muốn làm nhà thờ trên đất của tổ tông. Được biết năm 2012 ông Q đã làm sổ đỏ khi chưa được sự thống nhất của 06 anh chị em. Do đó, đề nghị Tòa án hủy bỏ sổ đỏ để chia thừa kế cho 06 người con theo pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2022/HC-ST ngày 25/10/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã căn cứ khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 116, điểm b khoản 1 Điều 193, Điều 204, khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 628, Điều 630 Bộ luật dân sự. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM100657 do UBND huyện N cấp ngày 31/01/2012 mang tên ông Nguyễn Hữu Q tại thửa 238, tờ bản đồ số 03, Bản đồ đại chính xã N (hủy ½ quyền sử dụng đất thuộc di sản của cụ Nguyễn Hữu H6).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị V, Mai Thị K đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại Quyết định số 16/2023/QĐ-PT ngày 09/3/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2022/HCST ngày 25/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị H giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Mai Thị K giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, một số người có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện đảm bảo đúng với quy định tại các Điều 204, 205 và 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận thấy Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2022/HC-ST ngày 25/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H và hủy ½ quyền sử dụng đất thuộc di sản của cụ Nguyễn Hữu H6 là không đúng quy định pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị K, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM100657 do UBND huyện N cấp ngày 31/01/2012 mang tên ông Nguyễn Hữu Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt; một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị V, bà Mai Thị K có đơn kháng cáo. Tuy nhiên, tại Quyết định không chấp nhận kháng cáo quá hạn số 16/2023/QĐ-PT ngày 09/3/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã không chấp nhận kháng cáo quá hạn của bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị V nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét đối với nội dung đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị V. Ngày 21/11/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Mai thị K1 có đơn kháng cáo hợp lệ, được gửi trong thời hạn theo quy định tại các Điều 204, 205, 206, 209 Luật Tổ tụng hành chính nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về đối tượng khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM100657 do UBND huyện N cấp ngày 31/01/2012 mang tên ông Nguyễn Hữu Q là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là đúng theo quy định tại Điều 3, Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính.

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 28/02/2022, bà Nguyễn Thị H khởi kiện đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM100657 do UBND huyện N cấp ngày 31/01/2012 cho ông Nguyễn Hữu Q tại thửa đất số 238, tờ bản đồ 03, bản đồ địa chính xã N là trong thời hiệu khởi kiện, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bà Mai Thị K, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1]. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Thửa đất số 200, tờ bản đồ số 3, bản đồ 299, tương ứng là thửa 238, tờ bản đồ 03, bản đồ địa chính xã N, diện tích 502m² được các bên thừa nhận là của cha ông để lại cho vợ chồng cụ Nguyễn Hữu H6 và cụ Mai Thị L1. Cụ H6 chết năm 1987, cụ L1 chết năm 2006 đều không để lại di chúc.

Cụ H6 và cụ L1 có 06 người con chung, sau khi các con lớn lên đi thoát ly và lập gia đình, trên đất có vợ chồng con út là ông Nguyễn Hữu Q, vợ là bà Trịnh Thị N2 sinh sống với bố mẹ. Năm 2012, ông Nguyễn Hữu Q được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên toàn bộ diện tích 502m² đất của cụ H6, cụ L1; nguồn gốc cấp do được thừa kế quyền sử dụng đất.

Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu Q do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N) cung cấp cho Tòa án gồm có:

Giấy chứng tử của cụ Mai Thị L1; Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu Q; Bản sao Giấy khai sinh ông Nguyễn Hữu Q; Trích lục Bản đồ thửa đất; Đơn xin thừa kế tài sản nhà cửa và đất thổ cư; Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 22/11/2012 của UBND xã N đề nghị UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu Q; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 31/01/2012 của UBND huyện N cho ông Nguyễn Hữu Q.

Tại “Đơn xin thừa kế tài sản nhà cửa và đất đai thổ cư” của cụ Mai Thị L1 lập ngày 30/4/2004 có nội dung giao lại cho con út là Nguyễn Hữu Q được sở hữu tài sản gồm: Nhà lớn 4 gian, nhà bé 1 gian, sân phơi, giếng nước, công trình phụ, cây lâu năm và toàn bộ diện tích đất, có ranh giới: Bắc 23,5m, Đông 23,6m, Nam 25,5m, Tây 23,6m.

Như vậy, căn cứ đề UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc di sản của cụ H6, cụ L1 cho ông Q là “Đơn xin thừa kế tài sản nhà cửa và đất đai thổ cư” của cụ Mai Thị L1 lập ngày 30/4/2004.

[2.2]. Xét tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 100657 do UBND huyện N cấp ngày 31/01/2012 cho ông Nguyễn Hữu Q, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Tại “Đơn xin thừa kế tài sản nhà và đất đai thổ cư” do cụ L1 lập ngày 30/4/2004, người làm đơn là cụ Mai Thị L1, 91 tuổi; Tại mục “Các anh chị đồng ý thừa kế” có chữ ký của các ông, bà: Nguyễn Thị V, Nguyễn Hữu H7, Nguyễn Hữu M, Nguyễn Thị H; không có chữ ký của những người thừa kế của bà L2.

Đối với chữ ký của ông Nguyễn Hữu M, bà Nguyễn Thị H, các bên xác nhận tại thời điểm làm đơn không có mặt và không ký; đối với bà Nguyễn Thị L2 đã chết trước thời điểm cụ L1 làm đơn xin thừa kế nên không có chữ ký, nhưng hiện nay các con của bà L2 đều đồng ý với việc ông Nguyễn Hữu Q được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có ý kiến gì; đối với bà Nguyễn Thị V xác nhận chữ ký trong đơn đúng là chữ ký của bà, nhưng cho rằng do bị ông Q lừa dối và tin tưởng vào điểm chỉ của mẹ và các anh chị em nên mới ký; đối với chữ ký ông Nguyễn Hữu H7, hiện nay ông H7 đã chết, quá trình giải quyết bà Mai Thị K và các con gồm anh T, anh T1 ủy quyền cho bà H tham gia tố tụng không yêu cầu giám định chữ ký của ông H7.

Như vậy, tại thời điểm cụ Mai Thị L1 điền chỉ vào “Đơn xin thừa kế” để chuyển giao tài sản nhà cửa đất đai cho ông Nguyễn Hữu Q thì cụ H6 đã chết không để lại di chúc, cụ L1 chỉ có quyền định đoạt đối với phần di sản của cụ L1. Ngoài ra, cụ H6 và cụ L1 có 06 người con, trong đó bà L2 đã chết trước cụ

L1, còn lại 05 người con là bà V, ông H7, ông M, bà H, ông Q, nhưng có 02 người con là ông M, bà H không có mặt, không đồng ý với việc cụ L1 chuyển giao tài sản, nhà cửa đất đai của bố mẹ cho ông Q. Do đó, việc cụ L1 định đoạt toàn bộ tài sản trong đó có phần di sản của cụ H6 cho ông Q là vượt quá quyền định đoạt của cụ L1, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế của cụ H6 và cụ L1. UBND huyện N căn cứ vào “Đơn xin thừa kế” của cụ L1 lập ngày 30/4/2004 để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 100657 ngày 31/01/2012 cho ông Nguyễn Hữu Q là không đúng quy định pháp luật. Do đó, cần phải hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 100657 ngày 31/01/2012 do UBND huyện N cấp cho ông Nguyễn Hữu Q. Tuy nhiên, đây là vụ án khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do đó Hội đồng xét xử sẽ không xem xét đánh giá tính hợp pháp và tính có căn cứ đối với “Đơn thừa kế” ngày 30/4/2004 do cụ L1 lập.

[2.3] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 100657 do UBND huyện N cấp ngày 31/01/2012 mang tên ông Nguyễn Hữu Q là chưa đúng, mà cần phải hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 100657 ngày 31/01/2012 để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do đó, có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Mai Thị K về việc đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 100657 do UBND huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 31/01/2012 cho ông Nguyễn Hữu Q như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[3]. Về án phí: Kháng cáo được chấp nhận nên bà Mai Thị K không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị K; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2022/HC-ST ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Cụ thể như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM100657 do UBND huyện N cấp ngày 31/01/2012 mang tên ông Nguyễn Hữu Q tại thửa số 238, tờ bản đồ 03, bản đồ địa chính xã N.

2. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Bà Mai Thị K không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Hải